

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỸ ĐẦU TƯ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO BCNEX
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUỸ ĐẦU TƯ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO BCNEX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BCNEX INNOVATIVE STARTUP CAPITAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BCNEX VC., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108962235

3. Ngày thành lập: 28/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 247 Cầu Giấy, Tầng 4, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0795142857

Fax:

Email: info@bcnex.vn

Website: bcnex.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quầy bar)	5630
2.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
3.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Loại trừ hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm. Không bao gồm tư vấn, môi giới lao động cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động)	7810
4.	Đại lý du lịch	7911
5.	Điều hành tua du lịch Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế	7912
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
7.	Hoạt động thể thao khác	9319
8.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội)	9329
9.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (trừ đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội)	9321
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299

11.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
12.	Hoạt động quản lý quỹ Hoạt động quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	6630(Chính)
13.	Giáo dục nhà trẻ	8511
14.	Giáo dục mẫu giáo	8512
15.	Giáo dục tiểu học	8521
16.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
17.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
18.	Đào tạo cao đẳng	8533
19.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Khách sạn, Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
20.	Đào tạo tiến sỹ	8543
21.	Đào tạo sơ cấp	8531
22.	Đào tạo trung cấp	8532
23.	Đào tạo đại học	8541
24.	Đào tạo thạc sỹ	8542
25.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
26.	Xây dựng nhà để ở	4101
27.	Xây dựng nhà không để ở	4102
28.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
29.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Đại lý hàng hóa (không bao gồm bảo hiểm, chứng khoán) - Môi giới hàng hóa (không bao gồm bảo hiểm, chứng khoán, tài chính, bất động sản) (Loại trừ hoạt động của các đấu giá viên, hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
30.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
31.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
32.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
33.	Khai thác gỗ	0220
34.	In ấn	1811
35.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
36.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
37.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
38.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4513

39.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
40.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
41.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
42.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
43.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
44.	Bán buôn thực phẩm	4632
45.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
46.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
47.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar)	5610
48.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ quầy bar)	5629
49.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
50.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
51.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán (trừ hoạt động chứng khoán)	6612
52.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Tư vấn đầu tư	6619
53.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);	7020
54.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
55.	Sao chép bản ghi các loại	1820
56.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
57.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
58.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
59.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
60.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy máy tính.	8559
61.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

62.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
63.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
64.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
65.	Chăn nuôi khác	0149
66.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
67.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
68.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế	6920
69.	Lập trình máy vi tính	6201
70.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ORITECH	Tầng 3, Số 49 Đường Trung Kính, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	510	510.000.000	51,000	0108184225	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	510	510.000.000	51,000		

2	VÕ TUẤN ANH	Khối 6, Thị Trấn Nghèn, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	245	245.000.000	24,500	183640231	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	245	245.000.000	24,500		
3	NGÔ HOÀNG QUYỀN	Số 4, Ngõ 39 Ngách 2, Trung Kính, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	245	245.000.000	24,500	008081000145	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	245	245.000.000	24,500		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ HOÀNG QUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 21/09/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 008081000145

Ngày cấp: 21/08/2018

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 4, Ngõ 39 Ngách 2, Trung Kính, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 4, Ngõ 39 Ngách 2, Trung Kính, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội